

Đầu tư nước ngoài ở đồng bằng sông Cửu Long - thực trạng và giải pháp

VÕ HÙNG DŨNG

1. Khái quát tình hình kinh tế ở ĐBSCL

Tính toán từ số liệu thống kê các tỉnh cho thấy, tỷ lệ tăng GDP của vùng trong giai đoạn 1996-2000 là 7,8%, cao hơn, nhưng theo một tính toán khác thì các năm này chỉ đạt 6% thấp hơn tỷ lệ 6,9% của cả nước, còn tỷ trọng GDP của vùng so với của cả nước cũng từ 18,3% năm 1996, giảm xuống còn 17,2% năm 2000⁽¹⁾. Tăng trưởng là vậy, nhưng với hơn 50% GDP nằm trong khu vực I, 62% lao động đang làm việc cũng ở khu vực I, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 3 năm gần đây là không đáng kể⁽²⁾, tỷ lệ dân số sống ở đô thị ở mức rất thấp⁽³⁾ (19,8%), tỷ lệ đói nghèo còn cao 23,4%⁽⁴⁾, lao động qua đào tạo thấp (13,4 %), thì còn rất nhiều vấn đề đặt ra.

Dù với các số liệu khá lạc quan về tăng trưởng của vùng cao hơn mức tăng trưởng của cả nước, thì chính các số liệu ấy đã chỉ ra rằng tỷ lệ tăng trưởng đang chậm lại: 11,6% trong các năm 1993-1995; 8,2% trong các năm 1996-1998; 7,5% trong các năm 1999-2001. Sự thay đổi đi theo xu hướng là các tỉnh sản xuất lương thực có tỷ lệ tăng trưởng cao trong các năm 1998 trở về trước thì nay đã chậm lại; các tỉnh ven biển tăng trưởng thấp hơn trong các năm trước 1996, nhờ thủy sản đã có tỷ lệ tăng trưởng cao trong các năm sau này⁽⁵⁾.

Năm 2002, tỷ lệ tăng trưởng GDP của vùng là 10,4%, năm 2003 là 10,6%, cũng là những con số cao, nhưng tiền đề bứt phá vươn lên vẫn chưa thấy rõ, trái lại nhiều yếu kém, những khó khăn đang đối mặt ngày một lớn dần. Sự yếu kém của

vùng này sẽ tạo nên tác động dây chuyền đến sự phát triển của khu vực thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), đến chiến lược quốc gia, đồng thời đặt ra những thách thức lớn trong tương lai.

Nguyên nhân của tình trạng trên có thể là do mật độ dân trí thấp, nguồn nhân lực thiếu, đầu tư của Nhà nước, đầu tư nước ngoài vào vùng này còn ít, không đủ tạo nên động lực để bứt phá vươn lên.

2. Đầu tư nước ngoài ở ĐBSCL

Đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, nó đóng góp 14,5% GDP, 17,5% tổng vốn đầu tư xã hội, 31,4% kim ngạch xuất khẩu và thu hút trên 1/2 triệu lao động trực tiếp⁽⁶⁾, nhưng với ĐBSCL lại là vấn đề khác. Số liệu do Cục Đầu tư nước ngoài công bố cho biết đầu tư nước ngoài vào ĐBSCL từ 1988-2003 chỉ có 1,25 tỷ USD, bằng 3,2% tổng vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

Võ Hùng Dũng, TS, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, chi nhánh thành phố Cần Thơ.

1. Võ Hùng Dũng: ĐBSCL cần sự chuyển hướng chiến lược kinh tế, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số tháng 1-2/2004
2. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, đd, KVI năm 2000 chiếm 52,7%, năm 2002 là 50,9%; KVII năm 2000 là 18%, năm 2002 là 19,9% - Số liệu thống kê các tỉnh trong vùng.
3. Cả nước là 25,8% - Niên giám thống kê 2003.
4. Tăng trưởng và giảm nghèo, Báo cáo 2002-2003. Dẫn theo David Dapice, 6-2004.
5. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, đd.
6. Niên giám thống kê 2003, theo VNeconomy cập nhật 13-1-2004, số lao động là 531,6 nghìn người.

BIỂU: Vốn đầu tư nước ngoài ở ĐBSCL từ 1988- 7/2004 (triệu USD)

	1988-2000	2001	2002	2003	7/2004
Cả nước	38922,7	2503,0	1513,0	1632,5	962,8
ĐBSCL	1251,6	76,4	117,6	88,7	27,5
Long An	541,3	17,1	87,9	80,0	16,8
Cần Thơ	105,4	20,9	16,3	4,7	6,5
Sau khi trừ đi Long An	710,3	59,3	29,7	8,7	10,7

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài. Bảng trên cho thấy tình hình thu hút FDI vào ĐBSCL. Nếu trừ đi Long An, 11 tỉnh và TP. Cần Thơ có số đầu tư rất thấp.

Theo Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư của vùng ĐBSCL trong 2 năm 1999-2000 vào khoảng 39 nghìn tỷ đồng, chỉ chiếm vào khoảng 13,6% tổng vốn đầu tư xã hội của cả nước, trong đó nguồn vốn từ ngân sách chiếm 28,1%, vốn vay từ các ngân hàng là 23%, vốn đầu tư nước ngoài là chưa đầy 5%⁽⁷⁾. Nếu việc huy động vốn đầu tư nước ngoài được làm tốt hơn, năm 2000 chỉ cần bằng mức của năm 1999⁽⁸⁾, tổng vốn đầu tư sẽ không dừng ở mức 38,5 nghìn tỷ đồng như trong 2 năm 1999-2000, thì tăng trưởng kinh tế sẽ không dừng ở các con số vừa nói trong các năm sau này.

Có thể nói tăng trưởng của ĐBSCL trong nhiều năm qua là dựa vào nguồn đầu tư trong nước, dòng vốn FDI chưa thực sự vào đây và chưa có mấy tác động đến tăng trưởng cũng như chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

Xét yếu tố phát huy nội lực, có thể cho đây là điều đáng được biểu dương! Tiềm năng và nguồn lực trong vùng rất phong phú, khả năng làm việc, khả năng thích ứng với biến chuyển thị trường của người lao động ở đây rất cao. Chỉ với ngân ấy vốn đầu tư nước ngoài⁽⁹⁾, vùng này cũng đã đóng góp trên 17% trong GDP cả nước và có GDP tính trên đầu người chỉ đứng sau vùng miền Đông và đồng bằng sông Hồng (ĐBSH đã bao gồm cả Hà Nội).

Nhưng xét trên toàn cục và lợi ích lâu dài thì vốn đầu tư vào đây ít trong nhiều năm, sẽ làm cho ĐBSCL nhanh chóng kiệt quệ các nguồn lực, đặc biệt là sự khai thác tài

nguyên một cách mất cân bằng, không đủ sức và lực để chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trục chính để tăng trưởng kinh tế của vùng trong 20 năm qua vẫn dựa vào lương thực và thủy sản. Mức đóng góp của vùng này vào nền kinh tế đất nước chẳng những giảm sút mà có thể trở thành gánh nặng về sau này khi nguồn tài nguyên đất, mặt nước, rừng và đất ven biển bị thoái hóa không thể hồi phục được.

Các phân tích chỉ số ICOR của vùng cho thấy trong các năm 1982-1989 khoảng 1,6; năm 1995 khoảng 2,1; năm 1999 chỉ số ICOR của vùng là 4,7, mức thấp nhất so các vùng trong cả nước⁽¹⁰⁾. Chính chỉ số ICOR thấp đó, đã nói lên rằng, để làm tăng thêm 1 đồng GDP ở đây cần một lượng vốn đầu tư thấp hơn những vùng khác. Với những tiềm năng sẵn có, với lực lượng lao động và thị trường của 17 triệu dân, chiếm 20% thị phần bán lẻ hàng hóa dịch vụ cả nước, thì sự đầu tư thích

7. TCTK-Số liệu điều tra vốn đầu tư 1999-2000.
8. Vốn đầu tư (đăng ký) năm 2000 của toàn vùng chỉ có 5,8 triệu USD, bằng 1/10 của năm 1999. Nếu năm này đạt 52 triệu USD, bằng với mức của năm 1999 và chỉ bằng 1/2 của tỉnh Đồng Nai (110,8 triệu USD dựa theo số của Niên giám thống kê 1999 và 2000) thì vốn đầu tư nước ngoài 2 năm này không dừng ở con số 1.580 tỷ, chỉ chiếm 4% tổng vốn đầu tư toàn xã hội của vùng
9. Chủ yếu tập trung ở Long An- gần Tp. Hồ Chí Minh, và dự án xi măng ở Kiên Giang - Quyết định 146/2004/TTg, Long An được xếp vào vùng trọng điểm kinh tế phía Nam.
10. Võ Hùng Dũng: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐBSCL, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số tháng 6-7/2003

đáng vào vùng này, không chỉ thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế của bản thân nó, mà còn tác động tích cực đến Tp.HCM và miền Đông trên nhiều khía cạnh.

3. Nguyên nhân thu hút đầu tư nước ngoài thấp

Lý do thường được đưa ra giải thích là cơ sở hạ tầng yếu kém (thiếu sân bay, bến cảng, hệ thống giao thông), việc đi lại khó khăn. Mặc dù những điều nêu trên là đúng, nhưng nếu chỉ dựa vào đó rất khó giải thích được vì sao đầu tư nước ngoài của toàn vùng thấp đến như vậy. FDI năm 2003 toàn vùng chỉ bằng 93% so với Hải Phòng; còn Cần Thơ chỉ đạt mức 4,3 triệu USD, thấp hơn cả một số tỉnh ở miền Trung như Quảng Trị (9,8), miền Bắc như Nghệ An (8,7), Cao Bằng (7), Lào Cai (5,2). Càng mâu thuẫn hơn là sự sút giảm ấy diễn ra trong lúc các tỉnh trong vùng đang đổ hàng trăm tỷ đồng ra sức xây dựng khu công nghiệp, ban hành những cơ chế ưu đãi, thành lập những tổ chức xúc tiến thu hút đầu tư

Một số nguyên nhân khác thường được các nhà đầu tư đưa ra là nguồn nhân lực yếu, không tìm được chỗ (địa điểm) thích hợp, dịch vụ kém, thủ tục thiếu minh bạch, chi phí cơ hội cao, chi phí đầu tư nói chung rất cao, môi trường giải trí sinh hoạt đơn điệu, buồn tẻ.

Trên thực tế còn nhiều nguyên nhân khác làm cho việc thu hút đầu tư nước ngoài thu được ít kết quả như:

- Chưa tạo ra được những động lực để kích thích hấp dẫn các nhà đầu tư; môi trường cạnh tranh chưa có, số lượng doanh nghiệp tính trên đầu người còn thấp, quy mô quá nhỏ.
- Chưa xác định rõ nơi đâu (nước nào) và ai là những nhà đầu tư tiềm năng để đề ra chiến lược thích ứng, có trọng điểm kêu gọi đầu tư. Vẫn chưa thực sự xác định đúng mức những lợi thế đang có để hoạch định chiến lược với tầm nhìn dài hạn; còn rất lúng túng, thiếu tự tin khi giới thiệu tiềm năng và nguồn nhân lực.

- Cơ cấu ngành nghề đơn điệu, quá thiên về nông nghiệp, khai thác tiềm năng, nhưng lại không có điểm nhấn mạnh về giá trị gia tăng, nhà đầu tư không rõ lợi thế khi đầu tư vào sẽ có được những lợi ích gì trong dài hạn?

- Chưa chú trọng việc xây dựng hình ảnh của vùng ĐBSCL, chưa có những chương trình giới thiệu về địa phương một cách thuyết phục; hệ thống thông tin dữ liệu nghèo nàn, chưa được quan tâm đúng mức.

- Hoạt động xúc tiến đầu tư phân tán, rời rạc, thiếu tính liên kết; còn nặng về hình thức, nhưng thiếu tính chuyên nghiệp. Các giải pháp thu hút đầu tư thiên về ban phát, mời mọc ban đầu, nhẹ xây dựng thiết chế và tinh thần trách nhiệm của bộ máy.

- Thiếu thân thiện cởi mở với nhà đầu tư, vẫn còn lăm thủ tục nhiều kê, phiền phức trong việc đón tiếp, làm việc với người nước ngoài.

- Về nhận thức, mới chỉ thấy đầu tư nước ngoài là cần, nhưng vẫn chưa thấy đến mức phải có tập trung chỉ đạo từ khâu phân tích đánh giá đến xây dựng chương trình (đồng bộ) và tổ chức thực hiện. Về kiến thức và kinh nghiệm thì thiếu hẳn trong lĩnh vực công nghiệp và đầu tư nước ngoài, thời gian chỉ đạo dành cho công nghiệp và đầu tư thường ít hơn so với nông nghiệp.

Nói tóm lại, việc thu hút đầu tư nước ngoài ở ĐBSCL trong thời gian qua mặc dù ở một số tỉnh đã có những nỗ lực, nhưng trong toàn vùng vẫn chưa có sự phối hợp tốt, tính liên kết rất thiếu và yếu. Hình ảnh về một vùng ĐBSCL chưa được cải thiện - thậm chí chưa xuất hiện trong mắt các nhà đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài không tìm thấy được những yếu tố hấp dẫn từ nơi đây. Thủ tục nhiều kê, phiền phức, đặc biệt trong giao tiếp ứng xử không gây được ấn tượng tốt với nhà đầu tư. Các số liệu nghèo nàn về thu hút đầu tư nước ngoài trong các năm qua cho thấy các tỉnh ĐBSCL hoặc chưa thực sự quan tâm với việc thu hút đầu tư nước ngoài,

hoặc là các chương trình kêu gọi đầu tư tỏ ra không phù hợp.

Về nguyên nhân thì còn nhiều điều để nói, nhưng cốt lõi của nó suy cho cùng là từ nhận thức về tư duy phát triển của vùng.

ĐBSCL từ rất lâu đã được xem là vùng tập trung của cả nước về nông nghiệp và đảm nhận nhiệm vụ cái van an toàn nền an ninh lương thực quốc gia. Sự phát triển của toàn vùng từ mấy thập kỷ qua cũng xoay quanh trục chính ấy. Chính phủ đã thấy điều ấy, Bộ Chính trị cũng đã có Nghị quyết 21 về ĐBSCL thời kỳ 2001-2010. Vấn đề hiện nay là phải tính đến sự chuyển động như thế nào, sự chuyển hướng trong chiến lược phát triển kinh tế trong thời gian tới với tầm nhìn dài hơn sẽ ra sao? Để trên nền ấy, xây dựng chiến lược thu hút đầu tư đúng hướng.

Điều cần được khẳng định: đầu tư chỉ là một bộ phận của chiến lược phát triển. Chiến lược phát triển nghèo nàn như thế nào thì chiến lược thu hút đầu tư cũng nghèo nàn thế đó. Cần phải định vị lại chiến lược phát triển của vùng với tầm nhìn dài hơn để xây dựng chiến lược về đầu tư. Đầu tư nước ngoài phải được đặt trong một chiến lược chung chứ không thể mạnh ai nấy làm, làm hết sức phân tán, thiếu tầm nhìn như hiện nay. Không thu hút được vốn đầu tư thì cũng rất buồn, nhưng nếu thu hút được, nhiều nhà máy, công trình mọc lên, những năm sau nhìn lại nó như một manh áo nhiều chỗ vá trông còn đáng buồn hơn!

4. Tầm nhìn chiến lược phát triển vùng

Tài nguyên là lợi thế của vùng ĐBSCL bao gồm cả 3 mặt: mặt đất, sông nước và biển. Hiện mới chỉ khai thác chủ yếu tài nguyên mặt đất cho trồng lúa, một phần nhỏ mặt nước và biển vào khai thác thủy sản. Còn lợi thế về vị trí địa lý, có đường biên giới, cận vùng với các nước trong khu vực, nối liền với trung tâm công nghiệp lớn nhất của đất nước hầu như chưa khai thác.

Ngay sông nước là lợi thế lớn của vùng, cũng mới chỉ sử dụng một phần vào nuôi trồng thủy sản, còn biển với chiều dài 700

km, diện tích lớn gấp 10 lần phần đất nội địa của vùng, thì cũng mới chỉ ở hoạt động đánh bắt ven bờ.

Với những ưu thế của vùng, ngày nay cần phải tính đến chiến lược phát triển hướng mạnh ra bên ngoài, với kinh tế biển, ngoại thương, hàng hải, du lịch, khai thác *lợi thế vị trí (ven biển, sông nước, cầu nối trung tâm công nghiệp), lợi thế tự nhiên (nông nghiệp, thủy sản), lợi thế sông nước (du lịch, vận chuyển)*, kết hợp giao thông thủy, bộ với vận tải biển để từ hậu cứ vươn ra phía biển, các hải đảo phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng là những vấn đề lâu dài, trọng đại của đất nước.

Với những tính chất và đặc trưng vốn có, toàn bộ vùng này cần được xem như một chỉnh thể thống nhất trong xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội, không vì sự phân cách địa giới hành chính. Điều đó là cần thiết để huy động sức mạnh không chỉ của nội vùng (*các tỉnh trong vùng*), mà là nhiều vùng (*liên kết vùng rộng*) để mở rộng ra bên ngoài biên giới đất liền, hướng về phía biển, khai thác kinh tế biển, triển khai chiến lược ngoại thương với các nước trong vùng làm đối trọng với kế hoạch Tiểu vùng sông Mê Công mà trung tâm hiện đang ở Băng Cốc.

Tầm nhìn về giao thông cũng phải thay đổi để đảm bảo mở rộng không gian kinh tế của vùng Nam Bộ cũ, giảm thiểu tối đa chia cắt không gian kinh tế giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ để nối với Nam Trung Bộ nhằm hướng ra bên ngoài. Cần có sự kết nối như vậy mới hình thành được thế chân vạc ĐBSCL – Tp.HCM (và miền đông) - Nam Trung Bộ vừa tựa lưng bên trong, hướng được ra biển, khai thác sức mạnh tổng thể, một mặt khai thác chương trình Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS), mặt khác tác động trở lại chương trình này, mở thêm các hành lang mới ở phía nam nhằm kéo dài ra phía biển, nối rộng trục trung tâm về phía Tp.HCM-ĐBSCL thay vì ở Băng Cốc như hiện nay.

5. Những vấn đề trao đổi ở tầm nhìn

Có 5 vấn đề hết sức quan trọng cần phải tính đến, mà đó cũng là những khó khăn cần giải quyết để giải tỏa những trở ngại trong thu hút đầu tư. Đó là vấn đề giao thông, nguồn nhân lực, an ninh lương thực quốc gia, đô thị hóa (và phát triển dịch vụ) và mối quan hệ với Tp.HCM.

a. Vấn đề giao thông

Để thực hiện mục tiêu phát triển mạnh mẽ ĐBSCL thì tầm nhìn về giao thông cũng phải thay đổi. Từ thực tế khôi phục quốc lộ I, tuyến Tp.HCM - Cà Mau cho thấy, giao thông huyết mạch của vùng ĐBSCL luôn đi sau và trở thành một trở ngại trong tiến trình phát triển. Kế hoạch xây dựng đường cao tốc Tp.HCM - Trung Lương là kế hoạch đầy rứt rề, câu hỏi tại sao lại không là đến Cần Thơ, một thành phố đã được xác định là trung tâm, là động lực phát triển lôi kéo cả vùng? Tương tự như vậy, kế hoạch xây dựng tuyến xe lửa Tp.HCM - Mỹ Tho tựa như bản sao con đường mà người Pháp đã làm 70 năm trước! Với 2 tuyến đường như vậy, và không biết bao lâu mới nối đến được Cần Thơ thì Tp.Mỹ Tho sẽ đóng vai trò khác và vùng đô thị với tâm là Tp.HCM sẽ biến thành đại đô thị nối qua Tân An - Mỹ Tho, với sức hút tập trung cực mạnh thì vấn đề gì sẽ xảy ra trong tương lai cho phần còn lại của ĐBSCL và với Cần Thơ? Với kế hoạch được biết hiện nay, cùng với các chiếc cầu, đường chuẩn bị (hoặc đang) thi công như cầu Cần Thơ, Rạch Miễu, hệ thống cảng về phía hạ lưu sông Hậu cho thấy chiến lược phát triển đang nghiêng về phía biển Đông, thì vùng Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên, vùng biên giới, vùng biển Tây sẽ ra sao? Bởi với tuyến N1, N2 được phác thảo, khi hoàn thành cũng không đủ sức đưa vùng bên trong gần biên giới phát triển, và cũng không mở được ra phía biển Tây.

Nếu tính đến đường cao tốc để phát triển vùng ĐBSCL thì phải khẳng định ngay từ đầu là đi từ Tp.HCM đến Cần Thơ và giai đoạn sau đó đến Cà Mau, không nên ngập ngừng ở Trung Lương vì bất cứ lý do gì. Kinh

nghiệm từ xây cầu Mỹ Thuận đến cầu Cần Thơ và khôi phục quốc lộ I đã cho những bài học nói trên, và cũng cần nên rút ra từ đó. Và nếu đã có tuyến cao tốc như vậy, kết hợp với các tuyến sông và biển thì tuyến xe lửa Tp.HCM - Mỹ Tho là không cần thiết. Nên chẳng tính đến đường xe lửa từ miền Đông xuyên qua Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên đến Hòn Chông, nối ra biển Tây sẽ có ý nghĩa về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng hơn.

Khó khăn về giao thông đã cản trở không ít đến dòng vốn đầu tư vào trong vùng. Nhưng đây là vấn đề lớn, không thể nói ngày hôm trước là hôm sau đã xong. Nhưng cũng từ đó một câu hỏi được đặt ra: đầu tư cho 1 km đường cao tốc đường bộ tốn hàng chục tỷ đồng, thì tại sao không thể đầu tư vài trăm triệu đồng để mở những tuyến cao tốc, những bến bãi, ga hành khách cho đi lại trên sông, nối miền Tây với Tp.HCM, miền Đông, Vũng Tàu và với Phnôm-pênh - Campuchia?

Sông nước là tiềm năng, là ưu thế cần được đánh giá đúng mức trong khai thác kinh tế thủy sản, du lịch, vận tải và đi lại. Đường thủy, ưu thế của vùng Nam Bộ, cần được nhìn dưới góc độ tích cực. Không thể xem nó chỉ như là sự bổ sung cho đường bộ đang có nhiều bất cập hiện nay, mà cần nhìn dưới góc độ ngành kinh tế đặc thù của ĐBSCL. Ưu thế đó nếu được khai thác đúng mức, nó sẽ có vai trò tác động và mang lại những lợi ích còn lớn hơn những gì mà ngành lương thực, thủy sản đang làm hiện nay⁽¹¹⁾.

b. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là điểm yếu trong mọi cái yếu của vùng, đến nay thì ai cũng hiểu.

11. Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy ở ĐBSCL chiếm 65%, so đường bộ chỉ chiếm 35%. Đi lại của hành khách bằng đường thủy chiếm 35% so với đường bộ là 65%. Nhưng số lượng lượt người đi lại năm 2001 là 100 triệu lượt, gấp 14 lần so với con số 7,2 triệu lượt người đi lại bằng đường thủy ở ĐBSH, cao hơn cả con số 74,3 triệu lượt người đi lại của cả 2 loại phương tiện vận chuyển trên ở ĐBSH - Niên giám thống kê 2002.

Để vượt qua trở ngại đó, nâng cao mặt bằng dân trí, nếp sống văn minh là vấn đề lâu dài và tốn nhiều công sức, nhưng để giải quyết bài toán nhân lực trong những năm trước mắt nhằm thu hút được đầu tư, tạo thêm công ăn việc làm thì đó không phải là bài toán không có lời giải.

Sự di chuyển nguồn lao động từ trong vùng ra bên ngoài trong những năm qua không phải là ít, nên khi kinh tế của vùng phát triển thì dòng lao động chảy ngược về là điều có thể xảy ra. Nếu có chiến lược đô thị tốt, khi nền kinh tế phát triển thì sẽ có dòng lao động di chuyển đến, khả năng thu hút thêm được nhiều chuyên gia cũng tốt hơn. Nhưng đó là câu chuyện khi đã qua được giai đoạn khởi động, còn hiện nay phải chú ý kết hợp đồng bộ cả ba vấn đề: *đào tạo chính quy* (cần được đẩy mạnh để sớm có đội ngũ lao động trình độ, kỹ năng cơ bản), *huấn luyện theo chương trình học việc, học nghề tại địa phương* (để đáp ứng nhu cầu thực tế và tăng nhanh số lượng), *tiếp nhận lao động có tay nghề từ ngoài vùng* để phát triển một số ngành nghề nhất định trong vùng.

Phải chấp nhận quan điểm nhập cư lao động từ bên ngoài vào để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Sự phát triển các làng nghề, đa dạng các loại hình làng nghề bồi dưỡng, huấn luyện lao động tại chỗ, giải quyết thêm được công ăn việc làm, ngoài việc phải tăng cường công tác huấn luyện đào tạo tại chỗ thì cần phải có những người thợ từ những nơi khác đến. So với các vùng ở miền Trung, miền Bắc, ĐBSCL có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để những người có tay nghề nhập cư làm ăn sinh sống. Với những chính sách sẽ phải ban hành nhằm cải thiện quyền đi lại, cư trú của công dân thì luồng di chuyển lao động sẽ là những áp lực về công tác quản lý với chính quyền địa phương trong những năm tới. Ai, nơi nào chủ động và có kế hoạch hợp lý có thể giành được tốc độ tăng trưởng cao.

c. An ninh lương thực

An ninh lương thực quốc gia là một trong những trọng trách mà ĐBSCL phải đảm nhận. Và cũng vì vai trò này mà đã có những nhận thức và cách làm không đúng, làm cho vùng này loay hoay trong nhiều năm không có lối ra, hết lúa tới tôm, hết tôm tới cá, bàn mãi chuyện câu chuyện cá, tôm, rồi lại lúa, từ đóng vai trò quan trọng trong những năm 1986-1995 trong nền kinh tế đất nước, nay vai trò, vị trí ấy cứ giảm dần.

An ninh lương thực quốc gia là chuyện trọng đại, lâu dài. Đất nước chúng ta hẹp, nhưng lại dài, cho dù ĐBSCL có vai trò quan trọng bậc nhất thì một mình vẫn không thể, mà cần phải có các vùng khác như ĐBSH và vùng Duyên hải miền Trung. Vấn đề cần quan tâm ở đây không phải là sự tách rời từng vùng với cái nhìn cục bộ, mà cần đặt trong tổng thể của chiến lược phát triển đất nước. Với năng suất lúa vốn đã cao hơn, ĐBSCL là vùng sản xuất lúa hàng hóa với giá rẻ, có thể cạnh tranh được để xuất khẩu trên thị trường thế giới, là niềm tự hào của vùng cũng như của quốc gia. Nhà nước cũng đã đầu tư vào đây rất lớn vốn đầu tư cho thủy lợi - trồng lúa, tạo thêm thuận lợi để làm ra lượng lúa gạo ngày một nhiều thêm. An ninh lương thực quốc gia từ đó được đảm bảo vững chắc. Việt Nam đã trở thành một trong 3 nước xuất gạo hàng đầu trên thế giới.

Trong mấy năm gần đây, sản lượng lúa gạo tăng nhanh, do tăng năng suất và vòng quay đất. Sản lượng tăng liên tục trong nhiều năm cũng là tác nhân gây nên giá lúa thấp trong nước, những vùng đất xấu hơn, nông dân sẽ thu hoạch được ít hơn từ trên cùng 1 diện tích. Về lâu dài điều đó khuyến khích việc từ bỏ nghề trồng lúa ở những vùng đất năng suất lúa thấp hơn. Đất trồng lúa có nguy cơ bị thu hẹp để chuyển sang sử dụng khác, xóa đói giảm nghèo ở những vùng trồng lúa năng

suất thấp trở nên khó khăn hơn⁽¹²⁾.

Khác với Thái Lan, trồng lúa mùa quảng canh, trồng lúa ở ĐBSCL là thâm canh. Do thâm canh, tăng vụ, vòng quay đất cực nhanh mà tạo ra sản lượng lớn, thu hoạch hầu như quanh năm, nên càng sản xuất nhiều, thì tài nguyên đất, tài nguyên nước càng bị huy động nhiều hơn, mức độ ô nhiễm chất độc vào lòng đất, ô nhiễm môi trường càng cao. Càng sản xuất nhiều thì giá lúa trong nước càng có xu hướng hạ, cơ may chỉ trông chờ vào người mua từ nước ngoài. Trong nhiều năm qua ĐBSCL đã đặt cược thu nhập dân cư vào thị trường nước ngoài từ lúa gạo đến cá, tôm. Xuất khẩu lương thực (và thủy sản), về thực chất là xuất khẩu tài nguyên. Trên thế giới không một quốc gia nào nhờ vào xuất khẩu tài nguyên mà giàu có, lâu bền cả. Tài nguyên càng được xuất ra bên ngoài nhiều thì sự cùng kiệt của nó càng lớn, hậu quả và những di hại về sau càng lớn.

Trong tình thế Việt Nam đã là nhà xuất khẩu lúa gạo lớn trên thế giới, thì sản lượng thu hoạch được như thế nào đều có tác động đến giá gạo quốc tế. Việc xuất khẩu tăng thêm 1-2 triệu tấn hiện nay thực ra không giúp được gì nhiều cho cán cân thương mại, mà chính để tránh cho thu nhập của những người trồng lúa bị đe dọa. Nếu vòng tròn lẩn quẩn này không được lần ra để phá vỡ, thì hậu quả xét về lâu dài không phải là nhỏ.

An ninh lương thực phải nhìn từ góc độ lâu dài. Nếu cái cần nhất của 20 năm trước là có đủ lương thực để no, là có dự trữ trong

kho, thì từ sau năm 1995, khi xuất khẩu tăng vọt, an ninh lương thực là ở dự trữ xuất khẩu. Về lâu dài sau này, an ninh lương thực của đất nước chính là dự trữ của đất trồng lúa. Dự trữ, nuôi dưỡng đất đai của cây lúa là kế sách lâu bền. Trung Quốc, Indônêxia chính là những bài học chúng ta cần nhận thức một cách sâu sắc trong quá trình chuyển đổi kinh tế.

Đối với đất nước, ĐBSCL là vùng an toàn nhất về sản xuất lương thực, nhưng đất trồng lúa một khi mất đi sẽ không thể khôi phục được nguyên trạng. Để giữ được những đất đai quý giá đó (đất trồng lúa) không thể chỉ dùng biện pháp cấm đoán chuyển đổi, đánh thuế cao, mà là phải tạo cuộc sống cho người nông dân ở đây cao hơn so với nếu chỉ trồng lúa. Thu hút đầu tư vào ĐBSCL cũng phải tính đến yếu tố đó, không thể ưu tiên cho những dự án sử dụng nhiều đất. Đất để xây nhà máy, có thể có nhiều nơi khác trong nước cung cấp được, đất để trồng lúa cho năng suất cao, là cái van an toàn của đất nước, thì không nơi nào hơn so với ĐBSCL.

Đầu tư của Trung ương từ nhiều năm qua vào trong vùng xét trên nhiều khía cạnh hầu như nhằm khai thác tài nguyên, dành phần lớn để làm ra lúa gạo, rồi tôm, cá với giá ngày một hạ, cung cấp cho thế giới. Hệ thống giao thông cực kỳ yếu kém hiện nay là một trong những khiếm khuyết rõ nhất của chiến lược đầu tư trong gần một thập kỷ qua, là đã quá xem nhẹ tầm ảnh hưởng của ĐBSCL trong những vấn đề đại cục.

12. Biểu 2: Thay đổi tỷ lệ nghèo của các vùng năm 1998 so với năm 1993 và năm 2002 so với năm 1998.

Ở một số vùng tỷ lệ nghèo giảm mạnh trong năm 1998, thì 2002 đã giảm chậm lại

	Mức giảm của năm 1998 so với năm 1993	Mức giảm của năm 2002 so với năm 1998	Tỷ lệ giảm năm 98/93	Tỷ lệ giảm năm 02/98
Việt Nam	-20,6	-8,5	-35,5	-22,73
Thành thị	-13,8	-2,6	-60	-28,26
Nông thôn	-17,5	-9,9	-27,8	-21,76
Vùng núi và Trung du phía Bắc	-9,8	-20,3	-13,2	-31,62
Đồng bằng sông Hồng	-30,7	-6,9	-51,2	-23,55
Bắc Trung Bộ	-23,9	-3,7	-33,2	-7,692
Duyên hải Nam Trung Bộ	-11,5	-9,3	-25	-26,96
Tây Nguyên	-14,6	-0,6	-21,8	-1,145
Đông Nam Bộ	-17,8	-1,6	-59,3	-13,11
Đồng bằng sông Cửu Long	-5,1	-13,5	-12,1	-36,59

Nguồn: Mức sống trong thời kỳ bùng nổ, D.dapice, tr 6

Mối quan hệ với Tp.HCM và miền Đông

Hai mươi năm trước Tp.HCM và ĐBSCL đã xây dựng được mối quan hệ chiến lược. Vào lúc đó Tp.HCM là trung tâm công nghiệp, ĐBSCL là trung tâm nông nghiệp, cung cấp lương thực nguyên liệu cho nền công nghiệp của Tp.HCM. Mối quan hệ chặt chẽ đó đã giúp cả 2 bổ sung điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của mỗi bên, góp phần đáng kể vào sự ổn định và phát triển của nền kinh tế của đất nước trong giai đoạn đầy đầy khó khăn lúc đó.

Ngày nay Tp.HCM đang trong thời kỳ tái cấu trúc lại cơ cấu kinh tế, để vươn lên làm chủ những ngành có công nghệ cao, có khu vực tài chính, ngân hàng mạnh mẽ và đang rất cần sự phối hợp với các vùng xung quanh. Sự yếu kém của ĐBSCL không chỉ gánh nặng của chính mình, mà còn là một áp lực đè nặng lên sự phát triển của nhiều vùng khác, trong đó có miền Đông, có Tp.HCM. Ngược lại khi ĐBSCL phát triển, chưa bàn tới các tác động khác, chỉ với tư cách là thị trường của 17 triệu dân cũng đã là nhân tố cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của Tp.HCM. Sự phối hợp, liên kết tốt giữa các vùng sẽ tạo ra sức mạnh và động lực mới theo cấp lũy thừa chứ không chỉ là các con số cộng.

Trong tình hình hiện nay, ĐBSCL rất cần phải định hướng lại mối quan hệ chiến lược đã từng có trong nhiều năm để cả 2 đều mạnh lên, vì sự phát triển và bền vững của đất nước.

Trong bối cảnh Tp.HCM quyết tâm di dời các nhà máy công nghiệp có công nghệ thấp, gây ô nhiễm ra bên ngoài, các khu công nghiệp ở ĐBSCL đang trong tình trạng thiếu nhà đầu tư, đang khát khao mời chào, thì việc thu hút, tiếp nhận các luồng đầu tư công nghệ thấp, ô nhiễm là điều rất có thể xảy ra.

Sự di chuyển công nghệ từ nơi cao sang nơi thấp là một quá trình mang tính quy luật, nên việc các doanh nghiệp từ Tp.HCM đầu tư vào các tỉnh cũng là tất yếu. Nếu mô phỏng mô hình "đàn sếu bay" trong trường

hợp này, thì nhược điểm từng bị phê phán của mô hình này là sự di chuyển thiết bị lạc hậu, công nghệ thấp, gây ô nhiễm môi trường sang những nơi phát triển chậm hơn, đang được lập lại.

Cần phải thấy rằng sự di chuyển các ngành công nghiệp ô nhiễm, công nghệ thấp từ nội thành ra ngoại thành Tp.HCM, mà không nâng cấp được trình độ công nghệ thì đó không còn là giải pháp ưu việt, mà chỉ đơn thuần là sự di chuyển những khó khăn trước mắt thành những khó khăn lâu dài, để rồi rất khó giải quyết trong những năm sau này khi quy mô tăng lên. Khó khăn mới lại chồng chất cao thêm. Việc thu hút đầu tư là phải có chọn lọc, để không phải chính những khó khăn, vướng mắc của Tp.HCM hôm nay, lặp lại ở các tỉnh trong vùng trong nay mai.

ĐBSCL là vùng đất nhạy cảm với môi trường, là cái van an toàn của nền an ninh lương thực quốc gia, bài toán về thu hút đầu tư ở đây phải khác với miền Đông, công nghiệp hóa ở đây cũng phải có hướng đi khác với miền Đông. Những ngành công nghiệp đầu tư vào đây phải là những ngành sử dụng đất ít, những ngành công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm, sử dụng nhiều lao động trong thời gian 15-20 năm đầu, về sau này có thể là những ngành có công nghệ cao. Việc xây dựng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, các địa phương, xây dựng một nền kinh tế có hiệu quả, sử dụng ít nguyên liệu, nhiên liệu có ý nghĩa quyết định trong cuộc cạnh tranh quốc tế. Điều đó phải được nhận thức và phải được chuẩn bị từ bây giờ.

Đô thị hóa và phát triển dịch vụ

Dịch vụ là lĩnh vực yếu kém nhất tại ĐBSCL xét về mối quan hệ trong cơ cấu kinh tế lẫn tác động và ảnh hưởng của nó trong đời sống kinh tế.

Trong cơ cấu GDP, dịch vụ chiếm khoảng 26% trong các năm 1996, và 29% trong các năm 2000-2003⁽¹³⁾, nhưng cũng chỉ là những hoạt động đơn giản, tập trung trong lĩnh vực

13. Số liệu thống kê các tỉnh trong vùng.

thương mại. Phân tích cấu trúc doanh nghiệp theo tài liệu điều tra năm 2000 cho thấy 52% số doanh nghiệp nằm trong lĩnh vực thương mại, buôn bán, khách sạn nhà hàng, 33% trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, 6,8% trong xây dựng, 3% trong vận tải, thông tin, 2,5% trong tài chính, tín dụng, 0,7% trong các hoạt động tư vấn kinh doanh, và 0,3% trong nông lâm nghiệp, thủy sản; trong khi quy mô của doanh nghiệp nhỏ cả về vốn và lao động⁽¹⁴⁾.

Một dẫn chứng về yếu kém trong các hoạt động tài chính, ngân hàng là mức huy động vốn và tình trạng cho vay. Trong năm 2000 và 2002, tổng vốn huy động được của ngân hàng trên địa bàn là 9.042 tỷ đồng và 14.956 tỷ đồng, nhưng tổng dư nợ tương ứng là 23.953 tỷ và 37.250 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn huy động chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu tín dụng⁽¹⁵⁾.

Nhưng dịch vụ lại là nơi giải quyết công ăn việc làm, thu hút được nhiều lao động. Khu vực này chiếm hơn 25% lực lượng lao động, gấp 2 lần so với số lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng⁽¹⁶⁾, đã bị suy giảm trong mấy năm gần đây. Nên xem dịch vụ là lĩnh vực phải giải quyết, là mũi cần đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng trong thời gian tới xét về thực chất là cuộc chuyển dịch cơ cấu lao động, mà mục tiêu của nó là giải quyết cho được vấn đề công ăn việc làm. Tăng trưởng kinh tế, xét cho cùng phải đáp ứng yêu cầu giải quyết công ăn việc làm, nếu không, nó sẽ trở thành hư ảo. Các quan niệm về tính quy luật trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế rằng phải đi từ cơ cấu nông nghiệp sang cơ cấu công-nông nghiệp; rồi dịch vụ - công nghiệp và nông nghiệp đã từng chi phối nhận thức lâu nay, tưởng cũng nên thay đổi.

Thực tế phát triển nền công nghiệp ở ĐBSCL trong thời gian qua cho thấy rất khó khăn do thiếu những nhân tố khởi động. Việc tìm kiếm một ngành công nghiệp nào

đó với hy vọng khi đầu tư mạnh vào để làm động lực khởi động, làm đầu tàu lôi kéo, đã tỏ ra không thành công, mất nhiều thời gian trong mấy năm qua. Đó thực ra chính là phép thử, phép loại trừ để chọn ra ngay từ những hoạt động đang hiện diện.

Du lịch chính là ngành có thể làm được điều đó xét từ điều kiện tự nhiên, xã hội của vùng, từ dòng du khách vào Việt Nam và động thái của dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong mấy năm qua. Sự phát triển du lịch ở đây đòi hỏi phải có các khách sạn nhà hàng, lôi kéo sự phát triển các ngành vận tải, đi lại trên sông, ra biển cùng một loạt các ngành dịch vụ khác. Những ngành công nghiệp thực phẩm, công nghiệp chế tạo, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị khách sạn, tàu thuyền, các làng nghề cung cấp sản phẩm cho du khách..., có điều kiện phát triển. Với điều kiện về cảnh quan sông nước, con người, các yếu tố đối với bên ngoài, hoàn toàn có thể khẳng định phát triển ngành du lịch ở ĐBSCL là khả thi. Vấn đề đầu tiên ở đây đòi hỏi là tầm nhìn ở cấp địa phương, kế đến là yêu cầu về chương trình quảng bá, xúc tiến, cùng với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự hỗ trợ của Tổng cục Du lịch. Nguồn vốn để thực hiện cũng chính là yêu cầu thực hiện thu hút vốn đầu tư.

Trong 5 vấn đề vừa trình bày thì an ninh lương thực nhằm trao đổi về định hướng đầu tư, sử dụng đất; mối quan hệ với Tp.HCM là nhằm xác định phương hướng liên kết. Còn lại 3 vấn đề: giao thông, nguồn nhân lực và đô thị hóa là 3 điểm yếu làm cho việc thu hút đầu tư trở nên kém hấp dẫn. Nhưng những điểm yếu đó thực ra chính là nhu cầu thúc đẩy đầu tư, là động lực để kích thích đầu tư.

14. Quy mô về vốn là dưới 1 tỷ đồng, chiếm 66,5%; về lao động là dưới 10 người chiếm 65,4% trong tổng số doanh nghiệp. Tổng cục Thống kê: Điều tra doanh nghiệp năm 2002.

15. Hội thảo hoạt động Ngân hàng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐBSCL, Cần Thơ tháng 8-2004.

16. Bộ Lao động, Thương binh và xã hội: Số liệu thống kê lao động việc làm 1996-2000 và 2003.

Thu hút đầu tư là để phát triển kinh tế, giải quyết điểm yếu là để cho quá trình được phát triển, và suy cho cùng cũng nhằm khắc phục điểm yếu tạo điều kiện cho quá trình phát triển được liên tục, bền vững. Với lý lẽ đó thì không thể vin vào những yếu kém của các lĩnh vực nói trên để biện minh cho sự yếu kém của hoạt động thu hút đầu tư, mà phải nói một cách thẳng thắn rằng: chính yếu kém của hoạt động thu hút đầu tư làm khoét sâu thêm những yếu kém của nền kinh tế, cản trở trở lại việc thu hút dòng vốn đầu tư ở thời điểm sau đó.

Nhưng những điều này có liên quan đến thể chế vận hành của guồng máy và sự phân cấp trong nền kinh tế, biểu hiện ở đây là phân cấp về trách nhiệm đầu tư. Với cách phân cấp hiện nay, vùng chỉ là một khái niệm mơ hồ, chỉ có ý nghĩa trong phân tích thống kê, không bao giờ là một thực thể kinh tế. Ngay mỗi quan hệ liên kết nối vùng thực sự là chưa có. Cấp tỉnh thì nghĩ mình chỉ có trách nhiệm trong phạm vi địa giới hành chính mà mình quản lý. Do vậy các chương trình thu hút đầu tư do các tỉnh tiến hành hết sức phân tán, manh mún, không thể tập trung để giải quyết các vấn đề ở quy mô lớn hơn, với các dự án lớn, mà thiếu nó thì việc thu hút đầu tư cho chính mình cũng bất thành. Trên cấp tỉnh là cấp Trung ương, vậy thì phải trông chờ, phải đề đạt lên trên. Nhưng Trung ương, chắc chắn có nhiều việc phải lo toan, vướng bận nhiều hơn so với cấp tỉnh, nên tình trạng phân tán, manh mún không chấm dứt được. Động lực để phát triển nằm ở đó nhưng vẫn không có cách bật lên, vì không ai dám mạnh dạn thò tay vào. Đó có thể xem là sự triệt tiêu năng lực một cách đáng tiếc!

6. Những công việc trước mắt

Vấn đề đặt ra là với tình hình như hiện nay ở ĐBSCL việc thu hút đầu tư nước ngoài trong thời gian tới liệu có khả quan hay không? Câu trả lời là có, và có khả năng tăng nhanh trong khoảng 3-5 năm tới. Những dự báo đó là căn cứ vào:

- Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách và đang có nhiều nỗ lực nhằm cải thiện

tình hình thu hút đầu tư. Dòng vốn đầu tư vào Việt Nam có thể tăng lên trong thời gian tới. Đầu tư nước ngoài các tỉnh phía Bắc đã tăng lên trong mấy năm gần đây là một minh chứng cho chủ trương đúng đắn đó;

- Xu hướng đầu tư nước ngoài quay trở lại Việt Nam trong những năm tới là hiện thực, một phần do nỗ lực của Chính phủ, một phần do xu hướng chuyển dịch vốn, các công ty đa quốc gia không muốn chỉ tập trung vào một nơi nhằm giảm bớt rủi ro, theo triết lý kinh doanh của họ;

- Biến chuyển về tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới, trong khu vực; sự ổn định về an ninh, chính trị ở Việt Nam khuyến khích ngay chính các công ty trong khu vực đầu tư vào Việt Nam;

- ĐBSCL là vùng đất còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác, sự nhìn nhận về vai trò của vùng này đang tăng lên không chỉ ở các cơ quan, các khu vực kinh tế trong nước, mà các cơ quan nghiên cứu, tổ chức hợp tác của nước ngoài cũng đã nhận thấy. Các cấp ủy và chính quyền địa phương ngày một nhận thức rõ hơn nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài và đang tìm kiếm giải pháp để thực hiện;

- Sự tập trung nguồn vốn đầu tư ở các vùng khác trong thời gian qua nhằm tạo sự cân đối giữa các vùng của đất nước đã có những tác dụng đáng kể về mặt xã hội. Hiện nay cũng đã đến lúc phải tìm kiếm hiệu quả cho dòng vốn đầu tư, thì ĐBSCL nhất định là câu trả lời tốt;

- Động thái mới nhất gần đây là việc khởi công xây cầu Cần Thơ, các bước tiếp theo như mở đường bay, các dự án đường cao tốc, đường thủy từ Tp.HCM đi Cần Thơ dưới sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ sẽ tăng thêm động lực thu hút đầu tư vào trong vùng.

Vậy những vấn đề đặt ra cần phải làm trong thời gian tới là gì để có thể thu hút đầu tư nước ngoài vào trong vùng được mạnh hơn, nhanh hơn ở cấp độ địa phương là các tỉnh?

- Cần tăng cường xây dựng và quảng bá hình ảnh về địa phương (tỉnh) và vùng. Gần

chặt việc xây dựng hình ảnh địa phương với vùng và vùng với mỗi địa phương là các tỉnh. Việc xây dựng và quảng bá hình ảnh ở đây không phải là lời nói quảng cáo, mà là việc thi đua trong xây dựng năng lực làm việc, xử lý vấn đề, giải quyết vấn đề trong bộ máy các cơ quan ở mỗi tỉnh. Phải xem mỗi địa phương với tên gọi của một tỉnh cũng là một thương hiệu, là niềm tự hào của mọi người trong địa phương đó để nỗ lực hướng tới những chuẩn mực cao hơn.

- Tăng cường mối liên kết giữa các tỉnh trong vùng qua nhiều thiết chế đan xen: lãnh đạo các tỉnh gặp nhau thỏa thuận những vấn đề quan trọng, các cơ quan chuyên môn gặp nhau trao đổi nhu cầu thông tin, về cách làm, cách phối hợp, trong đó đặc biệt lưu ý vai trò và sự giao lưu giữa các sở, các Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư. Sự giao lưu đó có thể được tổ chức thông qua các cuộc hội thảo, hội nghị, các lớp học, tập huấn nghiên cứu trao đổi tình huống và các xử lý. Chú ý việc phối hợp trong thiết lập các dự án lớn có tầm cỡ tác động liên tỉnh hoặc liên vùng.

- Xây dựng khả năng cạnh tranh, tạo những nét riêng trong từng tỉnh. Không nhất thiết phải có mô hình giống nhau trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như xây dựng các dự án đầu tư. Sự khác biệt hóa đó nhằm nói lên sắc thái riêng, tính đa dạng trong một tổng thể của vùng, tương tự khái niệm khác biệt hóa trong chiến lược sản phẩm nhằm xây dựng năng lực cạnh tranh. Có sự khác biệt hóa đó mới có thể xây dựng được hình ảnh của mỗi địa phương.

- Lưu ý hơn công tác phát triển doanh nghiệp và xây dựng năng lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Số lượng chung các doanh nghiệp trong vùng hiện còn thấp (hơn 1000 dân mới có 1 doanh nghiệp), quy mô lại quá nhỏ cả về vốn và lao động, phân bố quá nhiều trong thương mại; trình độ công nghệ, kỹ thuật thấp, quản lý kém, thiếu điều kiện tiếp cận thông tin và công nghệ quản lý. Sự yếu kém của các doanh nghiệp này làm thiếu vắng cơ chế yểm trợ, hỗ trợ của thị trường, buộc nhà đầu tư từ nơi khác đến mất thêm

nhều chi phí do tìm hiểu thị trường, chi phí trong quản lý, giao nhận vận chuyển, chưa nói đó (các doanh nghiệp địa phương) còn là nguồn dẫn dắt đầu tư và nuôi dưỡng đầu tư ở địa phương.

- Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapo, Malaixia, là những nhà đầu tư lớn vào Việt Nam, nay mai có thể là những nhà đầu tư tiềm năng nhất vào ĐBSCL. Cần có những nghiên cứu đầy đủ hơn về họ, từ tập quán, thói quen, những lĩnh vực mà họ có ưu thế nhất, đối chiếu với chiến lược phát triển trong tương lai của vùng để xây dựng chương trình quảng bá và thu hút đầu tư phù hợp.

- Xây dựng tính chuyên nghiệp của bộ máy xúc tiến thương mại, đầu tư. Trong những trường hợp cần thiết có thể thuê nhà tư vấn nước ngoài tư vấn về chương trình xúc tiến đầu tư. Các trang thông tin quảng cáo, trang web của các địa phương cũng cần được xây dựng với tính chuyên nghiệp, có bộ máy làm việc, liên kết nhau.

- Việc các Trung tâm xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch các tỉnh hợp với nhau trong một Câu lạc bộ để phối hợp hoạt động, là một bước đi đúng hướng cần được động viên và ủng hộ từ cấp lãnh đạo. Cần có những hợp tác, trao đổi đề xuất các dự án có tầm liên tỉnh, liên vùng mang tính phối hợp để ủng hộ, thúc đẩy các cụm công nghiệp ở các huyện, các làng nghề, các doanh nghiệp nhỏ. Gắn liền việc phát triển du lịch với các làng nghề là bước đi thích hợp và cần nhất trong thu hút đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

- Nghiên cứu Thông tư 86/2004/TT-BTC, ngày 25-8-2004 của Bộ Tài chính nhằm huy động thêm nguồn vốn bổ sung cho đầu tư các công trình có hiệu quả.

Tóm lại, có nhiều triển vọng thu hút mạnh đầu tư nước ngoài vào ĐBSCL trong thời gian tới. Đây là cơ hội, cũng là thách thức các tỉnh trong vùng, toàn vùng trong việc đề ra một chiến lược mới, phát triển kinh tế, xã hội đưa ĐBSCL trở thành khu vực tăng trưởng của đất nước trong những thập kỷ tới./.